

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án: số 317/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thảo

- Các hội thẩm nhân dân: 1- Ông Chu Mạnh Tường;

2- Ông Nguyễn Thành Vinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân Dân quận Thủ Đức không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1140/2017/TLST/HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 74/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Kim T sinh năm: 1976

Thường trú: khu phố 3, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Tạm trú: khu phố 2, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ sinh năm: 1977

Thường trú: khu phố 2, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: khu phố 3, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2017 và bản tự khai của bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: giữa nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn ông bà sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, năm 2004 ông Đ có mối quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng bất hoà, nhưng sau đó ông Đ thay đổi và sửa chữa khuyết điểm nên vợ chồng về sống chung lại với nhau. Đến năm 2011 giữa hai vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong vấn đề gia đình và tôn giáo nhưng bà T đã dung hoà được mọi việc trong cuộc sống. Đến năm 2017 thì ông Đ dọn ra ở riêng với người khác cho đến nay, bà T đã khuyên can nhiều lần nhưng ông Đ không thay đổi, nay hai bên đã bán nhà và tự chia tài sản với nhau, mỗi người ở một nơi không còn sống chung với nhau nữa. Bà T đã không còn tình cảm gì với ông Đ nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Văn Phi T, sinh ngày 27/9/2004 và Nguyễn Văn Phi Y, sinh ngày 10/02/2009. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

Ông Nguyễn Văn Đ không có lời khai.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim T vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình.

Ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa khi Toà án giải quyết vụ án vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim T và Ông Nguyễn Văn Đ sống chung với nhau năm 2001, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2] Xét yêu cầu của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa bà T và ông Đ sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mà không thể hoà giải hàn gắn được, bà T và ông Đ đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân không bên nào muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời quá trình thu thập chứng cứ ông Đ đã trực tiếp nhận được các thông báo của Toà án về các phiên hoà giải nhưng ông không đến Toà mà không có lý do, cho thấy ông Đ không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân của bà T và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

[3] Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Văn Phi T, sinh ngày 27/9/2004 và Nguyễn Văn Phi Y, sinh ngày 10/02/2009. Xét yêu cầu nuôi dưỡng con chung

của bà T: Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của hai con chung tại Toà án đều có nguyện vọng được sống chung với bà T và bà T cũng đảm bảo các điều kiện về mặt kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, do đó chấp nhận yêu cầu của bà T giao các con chung cho bà T nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim T :

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Văn Phi T, sinh ngày 27/9/2004 và Nguyễn Văn Phi Y, sinh ngày 10/02/2009. Giao các con chung cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp theo biên lai thu tiền số 37416 ngày 31//10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp đủ.

3/ Quyền kháng cáo;

Bà T có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Ông Đ vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Dương sự của vụ án
- VKSND Q.TĐ
- Chi cục Thi hành án DS Q.TĐ
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thị Thu Thảo